

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước thông tin Bộ Kế hoạch & Đầu tư dự báo tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm đạt khoảng 5.8%, thấp hơn so với mục tiêu kịch bản là 7.11% đề ra của Chính phủ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm sau áp lực chốt lời của NĐT bên thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, TNG

[Cập nhật công ty]

FMC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trải chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ

07/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,358.78	-1.11
VN30	1,484.10	-1.61
HĐTL VN30F1M	1,485.00	-1.39
HNXIndex	318.63	-3.38
HNX30	499.84	-2.99
UPCoM	89.06	-1.69
USD/VND	23,046	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.24	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.20	+2
Dầu (WTI, \$)	69.10	-0.75
Vàng (LME, \$)	1,883.12	-0.45



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,358.78 (-1.11%)
KLGD (triệu CP) 876.6 (+0.5%)
GTGD (triệu US\$) 1,255.0 (-7.7%)

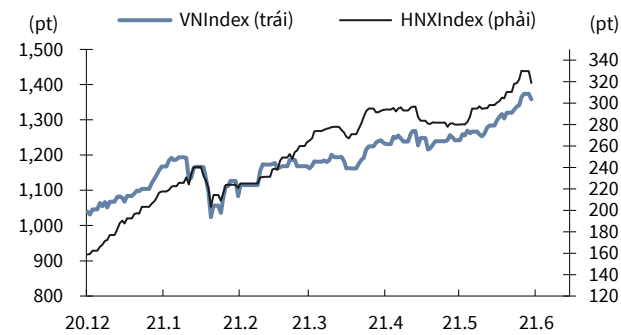
HNXIndex 318.63 (-3.38%)
KLGD (triệu CP) 227.5 (+8.8%)
GTGD (triệu US\$) 236.9 (+17.5%)

UPCoM 89.06 (-1.69%)
KLGD (triệu CP) 120.4 (-33.3%)
GTGD (triệu US\$) 85.6 (-14.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -28.2

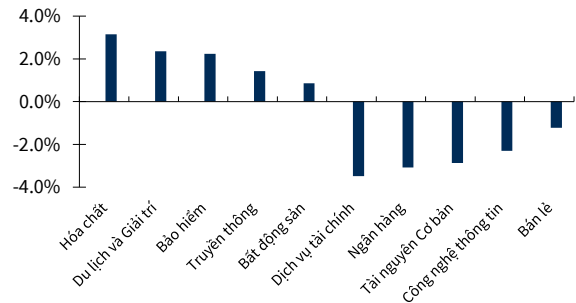
TTCK Việt Nam giảm điểm trước thông tin Bộ Kế hoạch & Đầu tư dự báo tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm đạt khoảng 5.8%, thấp hơn so với mục tiêu kịch bản là 7.11% đề ra của Chính phủ. Cổ phiếu ngân hàng phản ứng tiêu cực trước thông tin trên MBB (-4.3%), TCB (-4.0%), CTG (-3.7%). Cổ phiếu Hòa Phát HPG (-3.3%) giảm điểm sau khi Tập đoàn công bố sản lượng bán hàng tháng 5 đạt 695,000 tấn thép các loại, giảm 20% so với tháng trước và hạn chế xuất khẩu phôi vuông để tăng cường cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước khi sản lượng phôi xuất khẩu trong tháng là 52,000 tấn, giảm so với mức 121,000 tấn tháng trước, kéo theo sự giảm giá cổ phiếu cùng ngành NKG (-3.3%), HSG (-1.5%). Theo số liệu từ Bộ Công Thương, cao su tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất với mức tăng lên tới 58.7% về lượng và tăng gần 94% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 548,000 tấn, trị giá 923 triệu USD giúp cổ phiếu nhóm cao su tăng giá ở GVR (+5%), PHR (+2.7%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-3.3%), VIC (+1.7%), VPB (+0.4%).

VNIndex & HNXIndex



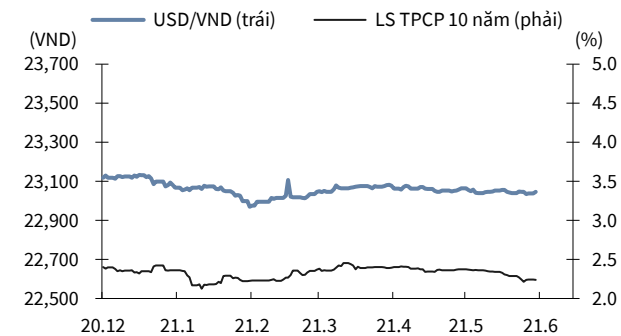
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



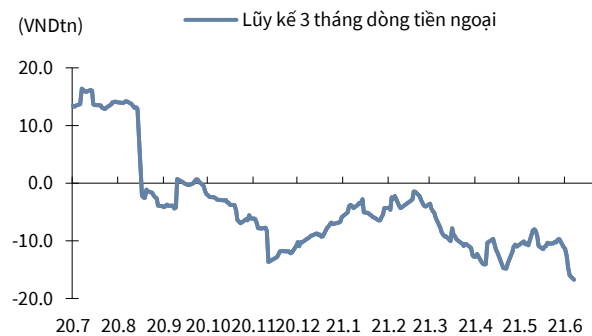
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

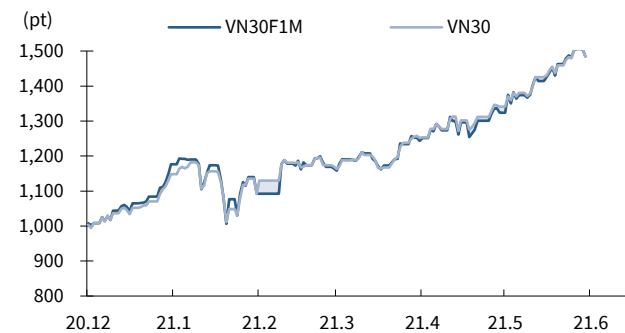
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,484.10 (-1.61%)
VN30F1M	1,485.0 (-1.39%)
Mở cửa	1,507.0
Cao nhất	1,509.2
Thấp nhất	1,473.0

HĐTL giảm điểm sau áp lực chốt lời của NĐT bên thị trường cơ sở. Chênh lệch F2106 và VN30 mở cửa ở mức -0.35 và giao động trong biên độ -3.6 và 9.6, đóng cửa ở mức 0.9. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

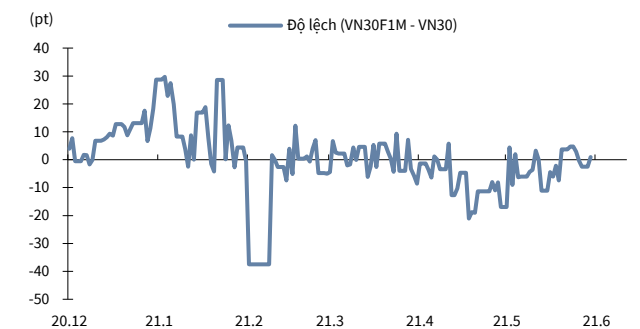
KLGD (HĐ) **196,723 (+5.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



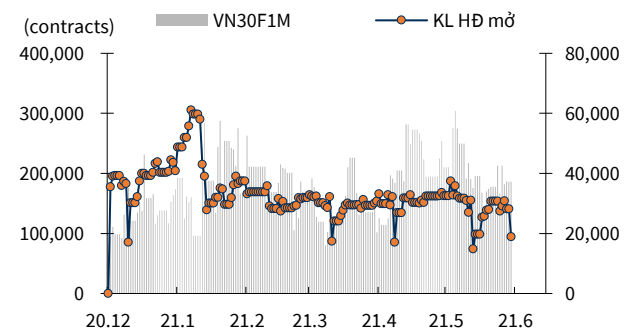
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



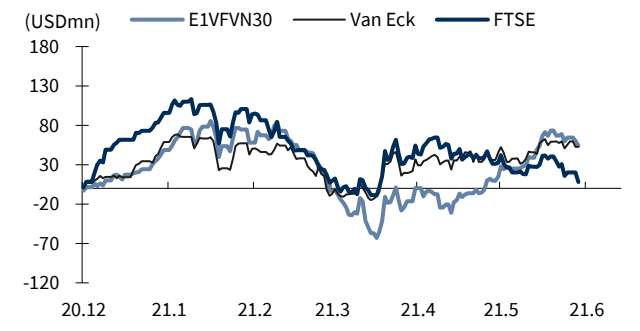
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

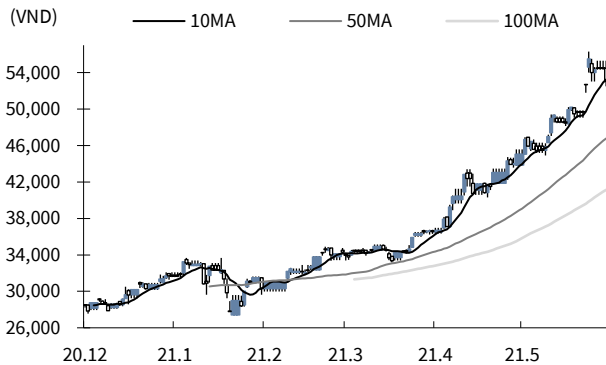
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

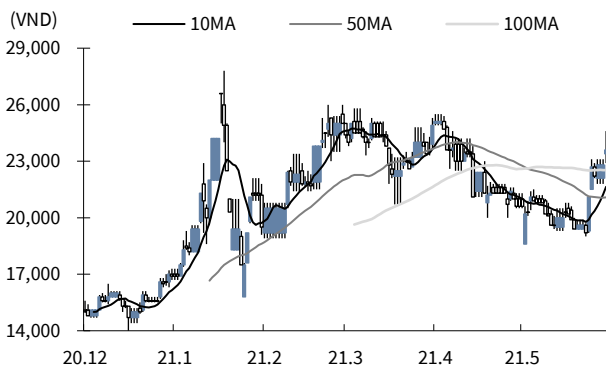
Tập đoàn Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -3.3% xuống 52,700 VND/cp.
- HPG thông tin sản lượng bán hàng tháng 5 đạt 695,000 tấn thép các loại, tăng 90% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 20% so với tháng trước. Hoà Phát đã hạn chế xuất khẩu phôi vuông để tăng cường cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, sản lượng phôi xuất khẩu trong tháng là 52,000 tấn, giảm so với mức 121,000 tấn tháng trước.

Đầu tư Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG tăng 3.5% lên 23,600 VND/cp.
- TNG thông báo doanh thu tiêu thụ tháng 5 đạt 468.5 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó doanh thu xuất khẩu đóng góp lớn nhất với tỷ trọng 98.2% tổng doanh thu. Lũy kế 5 tháng, tổng doanh thu tiêu thụ toàn đạt 1,742.4 tỷ đồng (+32% YoY).

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Doanh số tăng mạnh trong 2021, mở rộng công suất

Sao Ta (FMC) là doanh nghiệp xuất khẩu tôm đứng thứ 3 tại Việt Nam, theo công bố mới đây, doanh số 5 tháng đầu năm đạt 76 triệu USD, +32%/yoy. FMC cũng là doanh nghiệp sở hữu diện tích vùng nuôi và hệ thống nhà máy chế biến lớn và hiện đại bậc nhất Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế.

Tăng trưởng doanh thu cao, lợi nhuận 2021 kì vọng tăng trưởng dương

- Năm 2020, FMC đạt doanh thu thuần 4415 tỷ (+19%/yoy), LNST 226 tỷ (-2%/yoy). Trong năm 2020, chuỗi cung ứng sản phẩm tôm ở nhiều quốc gia khác bị ảnh hưởng, do đó FMC đã tăng cường hoạt động xuất khẩu, đạt doanh số khoảng 192 triệu USD. Sản lượng tiêu thụ đạt 17,241 tấn(+15%/yoy). Tuy nhiên biên lợi nhuận gộp giảm xuống chỉ còn 9.7% (2019: 11.4%) do giá tôm nguyên liệu đầu vào tăng cao do ảnh hưởng từ bệnh dịch của tôm, mảng nuôi tôm chưa đạt hiệu quả mong muốn.
- Quý 1/2021, FMC đạt doanh thu 969 tỷ (+36%/yoy), LNST đạt 30 tỷ (-26%/yoy). Mặc dù biên lợi nhuận gộp mảng thủy sản tăng trưởng nhẹ 0.5 điểm % so với cùng kỳ, lợi nhuận thuần vẫn giảm chủ yếu do giá cước vận tải biển và một số chi phí khác về bao bì nhập khẩu gia tăng do tác động của Covid 19 trong thời gian gần đây.
- Trong tháng 4 và 5/2021, doanh thu của FMC vẫn duy trì cao, đạt mức 33.3 triệu USD (+26%/yoy). Cho cả năm 2021, công ty đặt kế hoạch doanh thu 4,650 tỷ, LNNT 250 tỷ, tăng trưởng khoảng 5% so với 2020.

Nền tảng hoạt động vững vàng, nâng gấp đôi công suất chế biến từ cuối 2022

- Sau khi thực hiện đầu tư mở rộng thêm 81ha đầu năm 2020, FMC hiện có vùng nuôi tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Vĩnh Châu (Sóc Trăng) với diện tích 270ha, đáp ứng 25-30% nhu cầu đầu vào, đạt tỷ lệ tự chủ nguyên liệu đứng đầu trong ngành tôm. Công ty có kế hoạch đầu tư mở rộng vùng nuôi thêm 100ha trong năm 2021. Công ty cho biết hoạt động nuôi tôm 2021 của FMC đang có kết quả tốt nhất trong nhiều năm do các vùng nuôi mới đi vào ổn định, sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, điều kiện thời tiết thuận lợi.
- Hiện tại, FMC đang có 4 nhà máy với công suất chế biến 15.000 tấn thành phẩm/năm. Đầu năm 2021, FMC thực hiện đầu tư mới dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta với công suất 15.000 tấn thành phẩm/năm. Nhà máy dự kiến đi vào hoạt động nửa cuối năm 2022, nâng gấp đôi công suất chế biến của FMC.
- Nền tảng tài chính của FMC cũng ở top đầu trong ngành. Tỷ lệ vay nợ/vốn chủ sở hữu của FMC khoảng 40%, chỉ bằng một nửa trung bình ngành. Trong khi đó, hiệu quả hoạt động của công ty khá vượt trội so với ngành với ROA đạt 12% (ngành: 7.1%), ROE đạt 19% (ngành: 14.5%).

Triển vọng cổ phiếu tích cực trong các quý tới

- Việc các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản mở cửa nền kinh tế mạnh mẽ sau Covid-19, cùng với tác động từ hiệp định EVFTA sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tôm. Trong bối cảnh cường quốc xuất khẩu tôm là Ấn Độ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19 thì các doanh nghiệp tôm Việt Nam trong đó có FMC sẽ có cơ hội lớn để gia tăng thị phần xuất khẩu.
- FMC là doanh nghiệp có năng lực tự chủ nguyên liệu hàng đầu trong ngành tôm, với việc cải thiện hiệu suất nuôi trồng, mở rộng công suất chế biến, chúng tôi kì vọng biên lợi nhuận của FMC sẽ được nâng cao trong các quý tới, giúp lợi nhuận thuần của công ty tăng trưởng trở lại.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

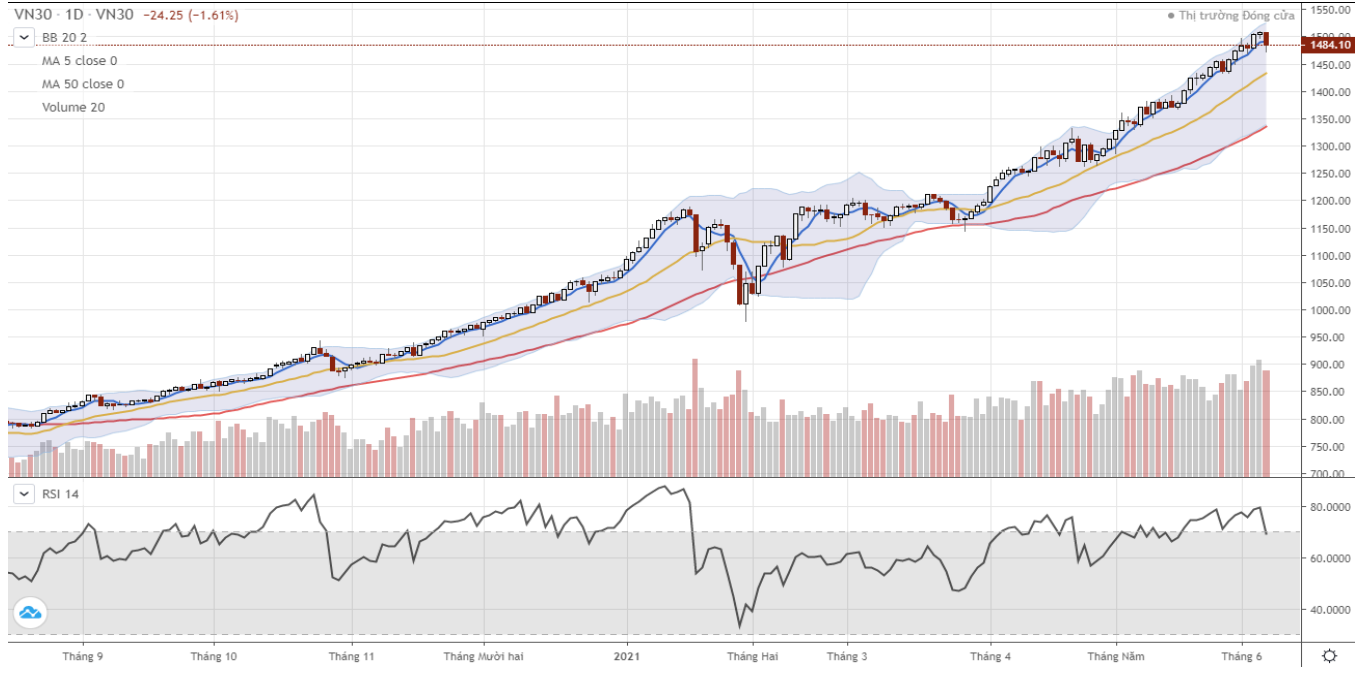
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



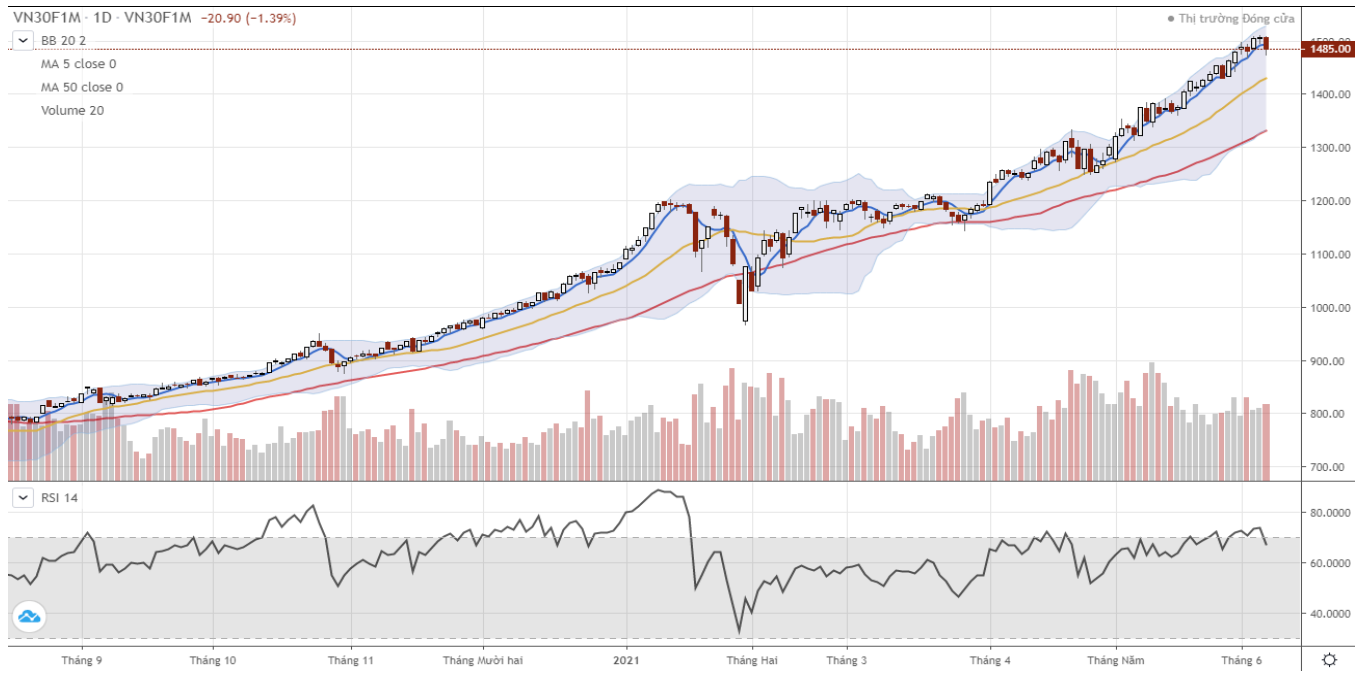
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm khá mạnh trong phiên sáng trước khi hồi phục nhẹ và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Sự xuất hiện của 1 phiên phân phối mạnh báo hiệu khả năng bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn sau chuỗi tăng điểm tích cực. Mặc dù vậy, chỉ 1 phiên phân phối chưa gây ra tác động quá lớn đến xu hướng tăng của chỉ số và VNIndex sẽ có cơ hội sớm hồi phục trở lại với vùng hỗ trợ đáng chú ý tại quanh 1330 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trải chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1499 - 1503

Kháng cự gần: 1493 - 1496

Hỗ trợ gần: 1466 - 1471

Hỗ trợ xa: 1452 - 1457

- F1 giảm sâu đầu phiên trước khi hồi phục nhẹ và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Nhịp phân phối không mấy tích cực tạo ra rủi ro tiếp tục điều chỉnh của chỉ số trong ngắn hạn trước khi có thể quay lại đà tăng. Vùng hỗ trợ đáng chú ý của chỉ số ở quanh 1455 (+-5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế còn lại.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

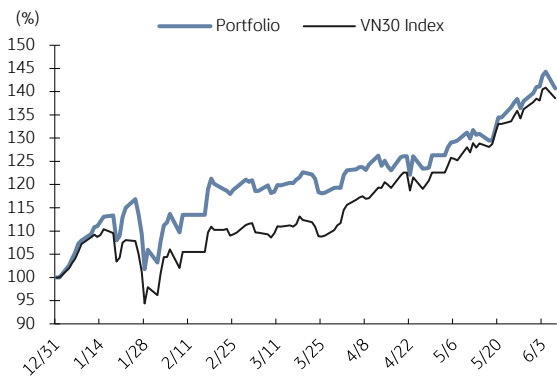
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.61%	-2.49%
Tăng lũy kế (YTD)	38.60%	40.71%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,100	-1.0%	17.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	38,600	-4.0%	56.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	100,600	0.0%	31.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	39,400	-5.2%	131.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,900	-4.4%	61.5%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	82,500	-2.6%	147.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	52,000	-3.7%	113.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,700	-0.8%	21.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,700	-3.3%	171.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	35,500	0.0%	159.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	3.6%	29.7%	156.8
NVL	-0.9%	8.4%	94.6
OCB	-1.7%	20.9%	82.4
PLX	-1.1%	16.3%	74.5
VHM	1.4%	22.6%	46.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.3%	28.2%	-526.7
VIC	1.7%	14.3%	-225.1
VPB	0.4%	15.5%	-123.3
DCM	-0.3%	3.2%	-64.7
MBB	-4.3%	22.4%	-51.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-9.2%	9.1%	3.4
PVG	4.1%	1.3%	1.0
CEO	4.6%	15.0%	0.8
PTS	4.5%	0.6%	0.6
TIG	1.3%	13.7%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-7.7%	4.4%	-17.3
VND	-5.6%	21.0%	-14.0
GLT	7.7%	5.2%	-5.6
PVS	1.0%	8.9%	-5.1
PAN	5.2%	36.1%	-4.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.3%	GAS, POW
Hóa chất	7.7%	GVR, DCM
Bảo hiểm	7.4%	BVH, MIG
Dầu khí	5.2%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	5.0%	SSI, VND

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	-1.3%	FPT, CMG
Bán lẻ	-1.1%	MWG, DGW
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%	MSN, SAB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%	APH, LGC
Ô tô và phụ tùng	0.3%	SVC, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	23.7%	SSI, VND
Hóa chất	20.0%	GVR, DCM
Ngân hàng	15.2%	CTG, VPB
Tài nguyên Cơ bản	12.5%	HPG, HSG
Công nghệ thông tin	11.3%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.8%	ADG, YEG
Du lịch và Giải trí	-3.2%	VJC, VNG
Bán lẻ	0.3%	MWG, ABS
Xây dựng và Vật Liệu	0.8%	VGC, HT1
Thực phẩm và đồ uống	1.6%	MSN, SAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	261,293 (11.3)	22.5	59.4	47.1	14.7	7.8	9.5	4.5	4.1	1.7	4.7	-6.8	13.7
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	399,242 (17.3)	26.6	11.2	9.8	35.9	30.9	26.7	3.1	2.4	1.4	3.3	9.2	18.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	207,032 (9.0)	17.8	26.4	20.9	-7.6	9.3	10.8	2.4	2.2	3.1	12.9	7.1	5.7
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	257,019 (11.2)	31.3	34.5	29.7	6.7	16.7	12.8	4.1	4.3	-0.3	3.6	2.7	113.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	156,914 (6.8)	11.6	18.4	14.4	18.0	14.2	15.6	2.5	2.0	-1.1	-1.9	6.6	32.1
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	285,403 (12.0)	13.9	10.5	9.2	-	19.9	18.5	-	-	-3.5	-0.7	19.1	74.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	225,358 (9.6)	6.3	16.6	13.9	11.7	21.9	21.5	3.2	2.7	-2.7	3.5	5.3	4.3
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	238,487 (10.5)	12.7	20.6	14.6	-5.3	12.8	15.6	2.2	2.0	-4.5	-3.9	15.1	-2.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	879,782 (38.2)	0.0	11.2	9.6	14.3	19.8	19.2	2.0	1.7	-4.8	-3.2	10.5	65.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	859,698 (37.3)	1.4	11.7	9.7	61.1	19.8	20.0	1.9	1.7	-5.4	-3.8	16.7	47.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,569,214 (111.5)	0.0	12.3	10.8	18.8	21.6	18.5	2.3	1.9	-2.9	0.6	13.2	114.2
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	909,282 (38.5)	0.0	10.2	8.7	14.6	20.9	20.5	1.9	1.6	-4.3	4.6	25.8	74.4
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	229,886 (10.0)	4.2	9.6	8.0	23.3	21.9	21.7	1.9	1.6	-2.3	2.5	15.5	45.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,258,832 (54.6)	14.0	26.4	17.9	26.5	8.8	11.0	1.8	1.6	-5.3	-9.9	26.9	80.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	232,489 (9.9)	0.0	8.5	7.2	37.5	23.0	21.4	1.8	1.4	-4.6	-0.7	27.8	38.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	32,960 (1.4)	0.2	45.7	24.8	27.3	5.8	10.0	2.2	2.1	-1.9	-0.2	27.4	70.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	52,372 (2.2)	21.0	25.3	22.5	15.2	8.4	9.0	2.1	1.9	2.5	8.1	7.9	-11.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	32,508 (1.4)	14.2	15.0	11.8	9.1	9.7	11.7	1.3	1.1	-3.9	-	13.9	4.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	654,258 (27.4)	55.4	18.9	15.1	-3.2	14.3	16.2	-	-	-5.2	4.1	41.3	39.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	170,988 (7.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.8	-0.4	24.1	36.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	230,791 (10.2)	52.4	18.8	-	-19.0	17.1	-	2.6	-	-5.7	0.4	24.1	25.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	247,353 (10.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-5.6	14.7	44.3	90.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	331,970 (14.4)	42.1	18.2	17.1	4.0	34.1	34.7	5.6	5.3	0.3	-2.0	2.0	-18.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,395 (1.3)	36.9	19.9	17.4	7.3	23.2	23.6	4.2	3.8	0.2	-1.0	0.7	-21.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	245,055 (10.6)	16.5	45.5	25.9	-51.9	12.9	17.9	6.0	4.8	-2.9	-5.4	9.7	17.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	96,095 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.0	0.0	-1.9	-27.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	53,589 (2.3)	11.0	-	29.8	-88.5	0.5	14.1	-	-	2.6	0.2	-7.8	-11.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	127,924 (5.4)	10.8	23.6	17.0	-57.0	8.7	11.5	1.8	1.7	-3.1	5.3	14.4	19.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	44,873 (2.0)	38.4	15.4	9.3	65.7	6.5	9.9	1.1	1.1	-0.8	-0.8	-0.8	-7.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	174,551 (7.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-3.1	3.8	9.4	168.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,224	10,411 (452)	124,921 (5.4)	37.7	10.9	16.4	-12.7	12.6	14.8	-	-	0.8	13.4	15.8	33.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,678 (1.3)	3.6	13.9	12.3	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-1.1	-1.0	4.8	-21.0
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	40,421 (1.8)	0.0	9.2	7.6	-4.5	14.8	15.2	1.3	1.1	-4.4	-5.7	-2.1	12.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	74,632 (3.3)	46.1	17.1	15.9	-17.5	20.2	20.3	3.2	3.0	-2.1	8.4	6.5	3.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,047 (0.3)	31.4	13.0	8.3	-10.5	10.5	16.3	-	-	-0.3	3.1	-3.4	-19.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,053 (0.3)	34.1	9.7	9.7	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.3	-0.6	3.2	-	11.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,791,870 (77.7)	18.0	10.8	8.8	21.9	36.5	31.6	3.2	2.5	-2.8	0.6	17.7	72.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	23,637 (1.0)	36.5	11.0	12.4	-0.5	9.3	7.8	0.9	0.9	-0.8	4.5	8.2	5.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	57,051 (2.5)	46.5	17.3	16.8	-4.5	9.3	9.0	1.5	-	-0.3	5.7	14.1	26.8
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	551,465 (23.5)	38.9	6.8	8.1	67.9	38.0	24.1	2.2	1.8	-1.5	3.4	23.7	105.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	62,680 (2.7)	97.2	9.3	8.4	17.2	10.3	11.0	-	-	-2.5	4.3	3.6	10.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	180,487 (8.0)	4.6	20.8	17.3	-51.0	15.7	16.7	2.9	2.8	-1.2	3.5	11.4	3.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	171,019 (7.4)	39.9	48.4	22.6	-11.9	1.5	3.7	0.7	0.7	2.3	13.8	27.2	53.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	77,235 (3.4)	35.9	9.7	9.1	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	3.7	15.2	27.6	48.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	123,437 (5.3)	0.0	12.8	10.0	13.7	28.1	28.3	3.2	2.6	-1.1	-1.8	-3.0	14.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	42,493 (1.8)	0.0	17.3	13.6	2.4	24.3	23.8	3.7	3.0	0.0	-0.3	5.3	24.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,596 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	3.4	-6.4	-54.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	24,949 (1.1)	30.3	19.9	13.6	-75.2	8.5	11.8	1.6	1.5	0.0	4.4	-4.1	-18.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	44,622 (1.9)	34.6	9.1	12.2	41.2	27.6	19.9	-	-	2.2	4.0	13.2	-10.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,057 (0.1)	45.4	16.8	15.4	10.7	20.5	20.7	3.2	2.9	-0.1	0.1	-3.4	-9.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	222 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	4.5	3.8	7.2
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	236,595 (10.3)	0.0	19.2	15.7	15.6	25.6	26.4	4.1	3.7	-2.6	-3.1	14.3	60.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.